

Số: 54/QĐ-UBND

Tân Quang, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ dự toán chi ngân sách của xã Tân Quang năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;
Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND thành phố Sông Công về việc giao dự toán ngân sách năm 2024 thành phố Sông Công;
Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND xã Tân Quang về phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã Tân Quang năm 2024;
Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện theo Quyết định 2395/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND thành phố Sông Công về việc giao dự toán ngân sách năm 2024 thành phố Sông Công, UBND Xã Tân Quang được giao dự toán chi năm 2024 với tổng số tiền là: 5.700.000.000 đồng. Trong đó:

- + Chi thường xuyên: 5.543.000.000 đồng.
- + Tiết kiệm chi: 45.000.000 đồng.
- + Chi dự phòng: 112.000.000 đồng.

Điều 2. UBND Xã Tân Quang quyết định phân bổ dự toán chi ngân sách xã Tân Quang năm 2024, với số tiền 5.543.000.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 3. Giao cho Lãnh đạo UBND xã, Văn phòng HĐND-UBND xã, Bộ phận Tài chính-Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước./.

Nơi nhận:

- Kho bạc NN Sông Công;
- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- Như Điều 3
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Anh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN QUANG**

DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CHI (I+II)	5.700.000.000
I	Chi thường xuyên	5.588.000.000
1	Quân sự	397.000.000
-	Phụ cấp phó CHQS	38.593.000
-	Phụ cấp trách nhiệm DQTV	60.048.000
-	Huân luyện dân quân	89.208.000
-	Tiền ăn huân luyện dân quân	26.845.000
-	Phụ cấp đặc thù	21.384.000
-	Phụ cấp hàng tháng thôn đội trưởng	108.000.000
-	Phụ cấp thâm niên	14.399.000
-	BHXH, BHYT phụ cấp thâm niên chỉ huy trưởng	1.023.000
-	Chi hoạt động	37.500.000
2	Chi an ninh	348.160.000
-	Phụ cấp côn an bán chuyên trách	233.280.000
-	Phụ cấp đội trưởng, đội phí dân phòng	77.380.000
-	Chi hoạt động	37.500.000
3	Đảng ủy	364.120.000
-	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	84.240.000
-	Phụ cấp bí thư chi bộ	254.880.000
-	Chi hoạt động	25.000.000
4	Quản lý nhà nước	3.995.088.000
-	Phụ cấp ĐB HĐND+ BHYT	163.296.000
-	Chi lương, Phụ cấp, BHXH, YT, KPCĐ	2.726.924.000
-	Tiền lương CB hợp đồng	50.000.000
-	BHXH, BHYT CB không chuyên trách	40.392.000
-	Hội NCT, TNXP, chữ thập đỏ, khuyến học, Đông Y, Da cam	157.600.000



-	Y tế thôn bản + phụ cấp trưởng xóm	317.520.000
	Phụ cấp CB thú y xã, VP đảng	57.456.000
-	Cộng tác viên thú y	32.400.000
-	Kinh phí bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của xóm	159.000.000
-	Sự nghiệp VH-TT-TDTT	60.000.000
-	Sự nghiệp kinh tế	68.000.000
	Hỗ trợ may trang phục	57.500.000
-	Chi hoạt động	105.000.000
5	Mặt trận tổ quốc	298.136.000
-	Phụ cấp phó chủ tịch MTTQ	35.856.000
-	Phụ cấp trưởng ban công tác MT	125.280.000
-	Ban mặt trận xã	30.000.000
-	Ban thanh tra	5.000.000
-	Ban giám sát cộng đồng	10.000.000
-	Hoạt động khu dân cư	80.000.000
-	Chi hoạt động	12.000.000
6	Hội phụ nữ	45.856.000
-	Phụ cấp phó chủ tịch hội Phụ nữ	35.856.000
-	Chi hoạt động	10.000.000
7	Hội nông dân	35.920.000
-	Phụ cấp phó chủ tịch hội nông dân	25.920.000
-	Chi hoạt động	10.000.000
8	Đoàn thanh niên	20.800.000
-	Phụ cấp phó bí thư đoàn TN	10.800.000
-	Hoạt động	10.000.000
9	Cựu chiến Binh	35.920.000
-	Phụ cấp phó chủ tịch hội CCB	25.920.000
-	Hoạt động	10.000.000
10	Hưu và trợ cấp XH khác	47.000.000
II	Dự phòng	112.000.000